

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Mục II Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND  
ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của  
Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05  
năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch  
tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân  
sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng  
Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân  
sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 475/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về sửa đổi,  
bổ sung Mục II Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm  
2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm  
2023; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của*

*Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Mục II Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023 như sau:

### **“II. THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

#### **2.1. Thu ngân sách địa phương:**

Tổng nguồn thu ngân sách địa phương năm 2023 là 15.029,190 tỷ đồng.  
Bao gồm:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 9.390,740 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.710,450 tỷ đồng.
- + Thu bổ sung cân đối ngân sách: 2.710,282 tỷ đồng.
- + Thu bổ sung có mục tiêu: 2.000,168 tỷ đồng.
- Thu từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023: 928 tỷ đồng.

#### **2.2. Chi ngân sách địa phương:**

2.2.1. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 là 15.038,390 tỷ đồng, bằng 122,38% dự toán năm 2022, cụ thể như sau:

a) Chi đầu tư phát triển: 5.294,925 tỷ đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước: 654,081 tỷ đồng;
- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.000,000 tỷ đồng;
- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.800,000 tỷ đồng;
- Chi đầu tư từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu: 1.674,300 tỷ đồng;
- Chi đầu tư từ nguồn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 157,344 tỷ đồng;
- Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 9,200 tỷ đồng.

b) Chi thường xuyên: 8.410,721 tỷ đồng, bao gồm:

- Chi hoạt động kinh tế: 965,777 tỷ đồng;
- Chi sự nghiệp môi trường: 145,180 tỷ đồng;
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 3.492,028 tỷ đồng;

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 37,309 tỷ đồng;
- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 756,878 tỷ đồng;
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 95,857 tỷ đồng;
- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 42,105 tỷ đồng;
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 48,653 tỷ đồng;
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 758,440 tỷ đồng;
- Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 1.384,183 tỷ đồng;
- Chi quốc phòng - an ninh: 303,438 tỷ đồng;
- Chi khác: 380,872 tỷ đồng.

c) Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính: 1,000 tỷ đồng.

d) Dự phòng ngân sách: 235,220 tỷ đồng.

đ) Chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp để thực hiện các chính sách theo quy định: 70,078 tỷ đồng;

e) Chi từ nguồn các Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn sự nghiệp): 98,446 tỷ đồng, gồm có:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 38,814 tỷ đồng;
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 59,632 tỷ đồng.

g) Chi từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023: 928 tỷ đồng.

2.2.2. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 là 15.038,390 tỷ đồng phân theo khu vực chi như sau:

- Cấp tỉnh chi: 8.001,234 tỷ đồng;
- Cấp huyện và xã chi: 7.037,156 tỷ đồng.

2.3. Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài:

Tổng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài để thực hiện ghi thu, ghi chi nguồn viện trợ không hoàn lại là 12.371 triệu đồng”.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Vụ IV (VPCP);
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- UBND, UB.MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP. ĐBQH&HĐND tỉnh; VP. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT

**CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Bình**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 31 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>12.286.979</b>	<b>18.386.988</b>	<b>15.029.190</b>	<b>-3.357.798</b>	<b>81,74</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>7.914.600</b>	<b>9.789.382</b>	<b>9.390.740</b>	<b>-398.642</b>	<b>95,93</b>
-	Thu NSDP hưởng 100%	2.845.000	3.799.442	3.405.940	-393.502	89,64
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	5.069.600	5.989.940	5.984.800	-5.140	99,91
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.372.379</b>	<b>5.321.502</b>	<b>4.710.450</b>	<b>-611.052</b>	<b>88,52</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.226.127	3.226.127	2.710.282	-515.845	84,01
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.146.252	2.095.375	2.000.168	-95.207	95,46
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>				<b>0</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>25.373</b>		<b>-25.373</b>	
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>3.250.731</b>	<b>928.000</b>	<b>-2.322.731</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>12.287.879</b>	<b>17.910.518</b>	<b>15.038.390</b>	<b>-2.872.128</b>	<b>83,96</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>11.141.627</b>	<b>16.519.622</b>	<b>13.038.222</b>	<b>-4.409.400</b>	<b>78,93</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.870.242	4.780.268	3.463.281	-1.316.987	72,45
2	Chi thường xuyên	8.047.570	9.204.546	8.410.721	-793.825	91,38
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	0		0	0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	222.815	222.815	235.220	12.405	105,57
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	2.310.993	0	-2.310.993	0,00
7	Chi từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			928.000		
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>1.146.252</b>	<b>1.390.896</b>	<b>2.000.168</b>	<b>609.272</b>	<b>143,80</b>
1	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.070.454	1.070.454	1.674.300	603.846	156,41
2	Vốn sự nghiệp để thực hiện các chính sách theo quy định và một số CTMT	75.798	94.998	70.078	-24.920	73,77
3	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	225.444	255.790	30.346	113,46
a	Chương trình MTQG Nông thôn mới	0	199.400	192.274	-7.126	96,43
	- Chi đầu tư phát triển	0	156.950	153.460	-3.490	
	- Chi sự nghiệp	0	42.450	38.814	-3.636	91,43
b	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	0	26.044	63.516	37.472	
	- Chi đầu tư phát triển	0	1.106	3.884	2.778	
	- Chi sự nghiệp	0	24.938	59.632	34.694	
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>					
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP</b>	<b>900</b>		<b>9.200</b>	<b>9.200</b>	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5
D	<b>BỘI THU NSDP</b>				0	
E	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>	3.900	3.772	2.200	-1.572	58,32
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	3.900	3.160	2.200	-960	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	612	0	-612	
G	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>	4.800	3.160	11.400	8.240	360,76
I	Vay để bù đắp bội chi	900		9.200	9.200	
II	Vay để trả nợ gốc	3.900	3.160	2.200	-960	



## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>12.287.879</b>	<b>15.038.390</b>	<b>2.750.511</b>	<b>122,38</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>11.141.627</b>	<b>13.038.222</b>	<b>968.595</b>	<b>117,02</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (1)</b>	<b>2.870.242</b>	<b>3.463.281</b>	<b>593.039</b>	<b>120,66</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.870.242	3.463.281	593.039	120,66
-	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	622.342	654.081	31.739	105,10
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000	1.000.000	300.000	142,86
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.547.000	1.800.000	253.000	116,35
-	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	900	9.200	8.300	1022,22
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8.047.570</b>	<b>8.410.721</b>	<b>363.151</b>	<b>104,51</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.412.705	3.492.028	79.323	102,32
2	Chi khoa học và công nghệ	36.117	37.309	1.192	103,30
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>			<b>0</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>100,00</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>222.815</b>	<b>235.220</b>	<b>12.405</b>	<b>105,57</b>
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>			<b>0</b>	
<b>VII</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023</b>		<b>928.000</b>		
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU</b>	<b>1.146.252</b>	<b>2.000.168</b>	<b>853.916</b>	<b>174,50</b>
<b>I</b>	<b>Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>1.070.454</b>	<b>1.674.300</b>	<b>603.846</b>	<b>156,41</b>
<b>II</b>	<b>Vốn sự nghiệp để thực hiện các chính sách theo quy định và một số CTMT</b>	<b>75.798</b>	<b>70.078</b>	<b>-5.720</b>	<b>92,45</b>
<b>III</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>0</b>	<b>255.790</b>	<b>255.790</b>	
1	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	0	192.274	192.274	
-	Chi đầu tư phát triển		153.460	153.460	
-	Chi sự nghiệp		38.814	38.814	
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	0	63.516	63.516	
-	Chi đầu tư phát triển		3.884	3.884	
-	Chi sự nghiệp		59.632	59.632	
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				